

## Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 532/QĐ-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

### PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	40 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Ngân sách năm 2015;</li><li>- Luật Phí và lệ phí năm 2015;</li><li>- Luật Quản lý thuế năm 2019;</li><li>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li><li>- Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ.</li></ul>	Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

### **1. Trình tự thực hiện**

#### ***1.1. Tại cấp tỉnh***

Bước 1:

a) Cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải: Hằng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí lập Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (sau đây gọi chung là Tờ khai phí), nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 159B, Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam).

b) Cơ sở xả khí thải không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải:

Trường hợp cơ sở xả khí thải mới đi vào hoạt động từ ngày Nghị định số 153/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của tháng bắt đầu đi vào hoạt động, người nộp phí lập Tờ khai phí, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 159B, Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam). Số phí phải nộp được tính cho thời gian từ tháng tiếp theo của tháng bắt đầu đi vào hoạt động đến hết năm dương lịch (hết ngày 31 tháng 12 của năm bắt đầu hoạt động). Từ năm tiếp theo, người nộp phí nộp phí một lần cho cả năm, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Trường hợp cơ sở xả khí thải đang hoạt động trước ngày Nghị định số 153/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của tháng Nghị định số 153/2024/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực thi hành, người nộp phí lập Tờ khai phí, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 159B, Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam). Số phí phải nộp được tính cho thời gian từ tháng tiếp theo của tháng Nghị định số 153/2024/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực thi hành đến hết năm dương lịch. Từ năm tiếp theo, người nộp phí nộp phí một lần cho cả năm, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Bước 2:

c) Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) thực hiện kiểm tra, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ của người nộp phí.

Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí của cơ sở xả khí thải, tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí.

Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Mẫu số 02 gửi người nộp phí, chậm nhất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định. Trường hợp số phí phải nộp thấp hơn số phí đã kê khai, nộp thì người nộp phí thực hiện bù trừ số phí nộp thừa vào số phí phải nộp của kỳ sau theo quy định. Trường hợp số phí phải nộp cao hơn số phí đã kê khai, nộp thì người nộp phí phải nộp bổ sung số phí còn thiếu cho tổ chức thu phí.

## **1.2. Cấp huyện**

Bước 1:

a) Cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải: Hằng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí lập Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (sau đây gọi chung là Tờ khai phí), nộp Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.

b) Cơ sở xả khí thải không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải:

Trường hợp cơ sở xả khí thải mới đi vào hoạt động từ ngày Nghị định số 153/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của tháng bắt đầu đi vào hoạt động, người nộp phí lập Tờ khai phí, nộp Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. Số phí phải nộp được tính cho thời gian từ tháng tiếp theo của tháng bắt đầu đi vào hoạt động đến hết năm dương lịch (hết ngày 31 tháng 12 của năm bắt đầu hoạt động). Từ năm tiếp theo, người nộp phí nộp phí một lần cho cả năm, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Trường hợp cơ sở xả khí thải đang hoạt động trước ngày Nghị định số 153/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của tháng Nghị định số 153/2024/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực thi hành, người nộp phí lập Tờ khai phí, nộp Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. Số phí phải nộp được tính cho thời gian từ tháng tiếp theo của tháng Nghị định số 153/2024/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực thi hành đến hết năm dương lịch. Từ năm tiếp theo, người nộp phí nộp phí một lần cho cả năm, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Bước 2:

- Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố thực hiện kiểm tra, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ của người nộp phí.

Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí của cơ sở xả khí thải, tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí.

Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Mẫu số 02 gửi người nộp phí, chậm nhất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định. Trường hợp số phí phải nộp thấp hơn số phí đã kê khai, nộp thì người nộp phí thực hiện bù trừ số phí nộp thừa vào

số phí phải nộp của kỳ sau theo quy định. Trường hợp số phí phải nộp cao hơn số phí đã kê khai, nộp thì người nộp phí phải nộp bổ sung số phí còn thiếu cho tổ chức thu phí.

## **2. Cách thức thực hiện**

2.1. Người nộp phí nộp hồ sơ theo một trong các hình thức sau:

- Cấp tỉnh: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 159B, Trần Quý Cáp, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)

- Cấp huyện: nộp Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.

2.2. Người nộp phí nộp phí, tiền chậm nộp phí (nếu có) theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường)/Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố mở tại tổ chức tín dụng.

b) Nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường)/Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thị xã/thành phố mở tại Kho bạc Nhà nước.

c) Nộp qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với tổ chức thu phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).

## **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

3.1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai phí theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

## **4. Thời gian giải quyết**

Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí của cơ sở xả khí thải, tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí. Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải gửi người nộp phí, chậm nhất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định.

## **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

Người nộp phí theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP là các cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung cấp phép về xả khí thải bao gồm:

5.1. Cơ sở sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên

liệu);

5.2. Cơ sở sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón vô cơ và hợp chất ni tơ (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), thuốc bảo vệ thực vật hóa học (trừ phối trộn, sang chiết);

5.3. Cơ sở lọc, hoá dầu;

5.4. Cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;

5.5. Cơ sở sản xuất than cốc, sản xuất khí than;

5.6. Nhà máy nhiệt điện;

5.7. Cơ sở sản xuất xi măng;

5.8. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác có phát sinh bụi, khí thải công nghiệp không thuộc các điểm 5.1, điểm 5.2, điểm 5.3, điểm 5.4, điểm 5.5, điểm 5.6 và điểm 5.7 nêu trên.

**6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường.

### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

**8. Phí, lệ phí:** Không.

**9. Tên Tờ khai phí:** Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Nghị định số 153/2024/NĐ-CP phải có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung cấp phép về xả khí thải.

### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý ..... Năm .....

Kính gửi:.....<sup>1</sup>**A. THÔNG TIN CHUNG**

Tên người nộp phí:.....

Địa chỉ:.....

MST:									
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Tài khoản số:..... Tại ngân hàng:.....

Loại hình, lĩnh vực sản xuất:.....

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau:

*(Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở)*.....**B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ****i. Thông tin về dòng khí thải thứ i**

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ):.....

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh ( $Nm^3/giờ$ ):.....

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ ( $mg/Nm^3$ )	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i ( $C_i$ )
Bụi		
$NO_x$ (gồm $NO_2$ và $NO$ )		
$SO_x$		
CO		

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (*Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường*):.....**C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ( $C = \sum C_i$ )\***

C = .....đồng.

**D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = .....đồng.

<sup>1</sup> Sở Tài nguyên và Môi trường/Phòng Tài nguyên và Môi trường

2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (*Viết bằng chữ*):.....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

**Cơ quan tiếp nhận, thẩm định**

**Tờ khai phí**

**Tờ khai phí ngày.....**

(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**KHAI, NỘP PHÍ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)

**Ghi chú:** Đối với cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải không phải kê Mục C Tờ khai phí này.

**TÊN TỔ CHỨC THU PHÍ      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**THÔNG BÁO NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI**

Quý... năm ...  
(Thông báo lần.....)

Tên người nộp phí: .....

Địa chỉ: .....

Căn cứ Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải quý .... năm .... của đơn vị và kết quả thẩm định, Sở/Phòng Tài nguyên và Môi trường thông báo số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải đơn vị phải nộp như sau:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Giá trị theo Tờ khai phí	Giá trị sau thẩm định	Ghi chú
1	Tổng lượng khí thải trong kỳ ( $m^3$ )			
2	Nồng độ từng chất ô nhiễm trong khí thải ( $mg/Nm^3$ )			
3	Số phí phát sinh trong kỳ (đồng) ( $F = f/4 + C$ )			
4	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có) (đồng)			
5	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có) (đồng)			
6	Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước ( $3 + 4 - 5$ ) (đồng)			

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (Viết bằng chữ): .....

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải thuộc trường hợp được xử lý nộp thừa hoặc còn phải nộp (Viết bằng chữ): .....

Yêu cầu đơn vị nộp số tiền theo Thông báo trên đây theo một trong các hình thức sau:

Nộp phí vào tài khoản chuyên thu phí số..... của tổ chức thu phí mở tại.....



Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách số..... của tổ chức  
thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước .....

Nộp phí qua tài khoản số..... của .....

Thời hạn nộp phí bổ sung chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo  
này.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký số)